

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

STT	Diễn giải		Tổng cộng			
			Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
Hôm trước chuyển sang						112
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày				37,000	246	9,102,000
Được chi trong ngày						9,102,112
Đã chi trong ngày						9,098,035
1. Dịch vụ						246,000
1	Gas sáng			0	246	0
2	Gas trưa			1,000	246	246,000
2. Kho						940,000
	Ăn chính					940,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg		235,000	4	940,000
3. Đi chợ						7,912,035
	Ăn chính					7,912,035
1	Gạo tẻ	Kg		27,300	13	354,900
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg		36,750	2	73,500
3	Hành lá (hành hoa)	Kg		78,750	0.1	7,875
4	Me chua	Kg		42,000	1	42,000
5	Ngó sen	Kg		73,500	1	73,500
6	Rau ngò	Kg		147,000	0.1	14,700
7	Su su	Kg		23,100	2	46,200
8	Tỏi	Kg		78,750	0.1	7,875
9	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg		194,250	6.5	1,262,625
10	Đường kính	Kg		38,850	6	233,100
11	Tôm sú	Kg		378,000	9.7	3,666,600
12	Muối iốt	Kg		5,500	0	0
13	Bánh bông lan chà bông	Cái		6,600	239	1,577,400
14	Cải ngọt	Kg		36,750	4.5	165,375
15	Dầu ăn Tường An 1L	Lít		66,960	2	133,920
16	Tắc	Kg		33,600	4	134,400
17	Nước mắm Hồng Hạnh	Lít		78,840	1	78,840
18	Củ hành tím	Kg		68,250	0.1	6,825
19	Dầu ăn Tường An 400ml	Chai		32,400	1	32,400
Chi kho lũy kế từ đầu tháng						9,391,500
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng						175,808,423
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					5,159	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng						190,883,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng						190,878,923
Chênh lệch cuối ngày						4,077

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy